| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2023
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
2. Bà Mai Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:*** Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Lê Thị C, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Tạm trú: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Lê Tấn C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Lê Tấn C kết hôn năm 2005, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 17/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông

C thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà nên gia đình bất hòa, không còn hạnh phúc. Từ tháng 01/2020 bà và ông C không còn sống chung, hiện nay bà không còn tình cảm với ông Lê Tấn C nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn C.

- Về con chung: có hai con chung tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 26/10/2006 và Lê Thị Khả H, sinh ngày 05/11/2013. Bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Tấn C nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 18/11/2022 hai cháu Lê Thị Minh T và Lê Thị Khả H trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa:

- Bà Lê Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn ông Lê Tấn C. Yêu cầu nuôi con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 26/10/2006 và Lê Thị Khả H, sinh ngày 05/11/2013. Yêu cầu ông Lê Tấn C cấp dưỡng theo quy định pháp luật

- Ông Lê Tấn C vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Lê Thị C được ly ông Lê Tấn C, về con chung bà Lê Thị C được quyền nuôi con chung tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 26/10/2006 và Lê Thị Khả H, sinh ngày 05/11/2013. Ông Lê Tấn C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa bà Lê Thị C và ông Lê Tấn C là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 22/3/2023 Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Lê Tấn C đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự*: Bị đơn ông Lê Tấn C đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* bà Lê Thị C và ông Lê Tấn C kết hôn năm 2005, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 17/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Lê Thị C và ông Lê Tấn C được đoàn tụ, nhưng bà Lê Thị C cương quyết ly hôn, ông Lê Tấn C đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, điều này chứng tỏ ông Lê Tấn C cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà Lê Thị C. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị C.

*2.2 Về con chung:* bà Lê Thị C và ông Lê Tấn C có hai con chung tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 26/10/2006 và Lê Thị Khả H, sinh ngày 05/11/2013. Tại phiên tòa cũng như quá trình tố tụng bà Lê Thị C yêu cầu được quyền nuôi con chung. Hai cháu Lê Thị Minh T và Lê Thị Khả H có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai cháu Lê Thị Minh T và Lê Thị Khả H còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C được quyền nuôi con chung là cháu Lê Thị Minh T và cháu Lê Thị Khả H.

2.*3 Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2022, quá trình tố tụng bà Lê Thị C có yêu cầu ông Lê Tấn C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê Tấn C không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà Lê Thị C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*2.4 Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.5 Về nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[3] Về án phí sơ thẩm:* bà Lê Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Lê Tấn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

*1. Về hôn nhân*: bà Lê Thị C được ly hôn ông Lê Tấn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2008 ngày 17/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

*2. Về con chung*: Bà Lê Thị C được quyền nuôi con chung tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 26/10/2006 và Lê Thị Khả H, sinh ngày 05/11/2013.

Ông Lê Tấn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng cho một con chung mỗi tháng là ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Thị Minh T và cháu Lê Thị Khả H đủ 18 tuổi

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*3. Về án phí sơ thẩm:* bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003890 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ông Lê Tấn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

*4. Quyền kháng cáo:* bà Lê Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2023). Ông Lê Tấn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*5.* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**